

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
VINAFREIGHT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 40
8. Phụ lục	41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinafreight (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vinafreight (tiền thân là Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại Thương) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Xí nghiệp Dịch vụ kho vận trực thuộc Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302511219 (số cũ: 4103000781), đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ 2 ngày 29 tháng 8 năm 2005 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ 3 ngày 06 tháng 7 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ 4 ngày 12 tháng 6 năm 2008 về việc chi tiết danh sách cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ 5 ngày 21 tháng 6 năm 2013 về bổ sung thông tin về Chi nhánh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ 6 ngày 28 tháng 9 năm 2013 về thay đổi địa chỉ của Chi nhánh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ 7 ngày 19 tháng 5 năm 2014 về việc đổi tên Công ty.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ 8 ngày 14 tháng 7 năm 2014 về bổ sung thông tin về địa điểm kinh doanh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ 9 ngày 25 tháng 11 năm 2014 về việc thay đổi tên của Chi nhánh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ 10 ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ 11 ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ 12 ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phổ Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : (028) 38 446 409
- Fax : (028) 38 488 359
- Website : www.vinafreight.com

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinafreight tại TP. Hà Nội	Tầng 7, số 25, phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinafreight tại TP. Hải Phòng	Phòng 212, tầng 2, số 441 Đà Nẵng, phường Đông Hải 1, quận Hải An, TP. Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động logistics;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS); Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; Kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật;



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hao lòng khí để vận chuyển);
- Chuyển phát ;
- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển (đối với đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Bích Lâm	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Chu Việt Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Huy Diệu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Trương Minh Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Anh Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019
Ông Tôn Thất Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Văn Hùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Bích Lâm	Tổng Giám đốc	Ngày 04 tháng 6 năm 2008
Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 7 năm 2008
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 03 tháng 01 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Bích Lâm – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2008).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

025112

CÔNG TY
CỔ PHẦN
VINAFREIGHT

T.P. HỒ

449815-L

CÔNG TY
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
& C

T.P. HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Bích Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2020



Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam	
	Tel: +84 (028) 3547 2972	Fax: +84 (028) 3547 2970
		kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam	
	Tel: +84 (024) 3736 7879	Fax: +84 (024) 3736 7869
		kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam	
	Tel: +84 (0258) 246 5151	Fax: +84 (0258) 246 5806
		kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam	
	Tel: +84 (0292) 376 4995	Fax: +84 (0292) 376 4996
		kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0464/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Vinafreight (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

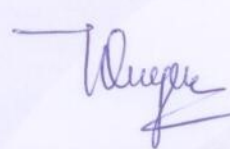
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinafreight tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2020


Trần Thị Thùy Quyên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1539-2018-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		160.225.482.846	137.397.286.030
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	72.258.635.128	51.085.847.455
1. Tiền	111		44.152.465.128	36.005.847.455
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.106.170.000	15.080.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.419.000.000	11.042.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	16.419.000.000	11.042.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71.271.862.344	75.158.729.381
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	58.742.994.651	61.439.153.880
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		548.316.899	364.873.686
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	12.505.285.684	15.034.309.306
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(524.734.890)	(1.679.607.491)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		275.985.374	110.709.194
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	275.985.374	110.709.194
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phổ Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		310.809.077.993	298.108.705.420
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		708.786.000	1.138.818.476
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	708.786.000	1.138.818.476
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.341.118.468	3.033.246.722
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	2.064.030.394	2.602.717.504
- Nguyên giá	222		10.174.131.246	10.135.440.337
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.110.100.852)	(7.532.722.833)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	277.088.074	430.529.218
- Nguyên giá	228		1.814.011.679	1.814.011.679
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.536.923.605)	(1.383.482.461)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		306.123.952.499	293.623.952.499
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	47.120.408.200	47.120.408.200
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	247.474.748.076	235.598.748.076
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	11.540.435.327	11.540.435.327
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(11.639.104)	(635.639.104)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.635.221.026	312.687.723
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	1.635.221.026	312.687.723
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		471.034.560.839	435.505.991.450

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		170.846.706.584	143.326.676.400
I. Nợ ngắn hạn	310		170.846.706.584	143.326.676.400
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	24.438.919.731	24.425.660.145
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		810.245.328	867.761.896
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	4.818.164.109	6.652.689.012
4. Phải trả người lao động	314	V.11	7.821.795.324	6.340.610.237
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	1.767.321.721	3.343.020.254
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	51.928.005.007	43.080.017.324
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	69.485.097.805	49.649.719.973
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	9.777.157.559	8.967.197.559
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		300.187.854.255	292.179.315.050
I. Vốn chủ sở hữu	410		300.187.854.255	292.179.315.050
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	83.922.500.000	83.922.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.922.500.000	83.922.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	30.199.350.000	30.199.350.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.16	(155.000.000)	(155.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	9.518.000.000	8.518.000.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	176.703.004.255	169.694.465.050
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		156.565.715.050	169.694.465.050
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		20.137.289.205	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		471.034.560.839	435.505.991.450

 Nguyễn Trịnh Phương Thảo
 Người lập biểu

 Lê Thị Ngọc Anh
 Kế toán trưởng

 Nguyễn Bích Lân
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	259.603.037.037	300.584.657.926
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		259.603.037.037	300.584.657.926
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	236.119.928.327	270.322.308.071
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.483.108.710	30.262.349.855
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.877.919.102	13.701.540.011
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.657.553.958	3.799.943.242
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.011.799.150	1.790.594.288
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	14.078.744.520	13.955.485.536
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.624.729.334	26.208.461.088
11. Thu nhập khác	31		7.727.273	167.804.854
12. Chi phí khác	32		43.052.063	-
13. Lợi nhuận khác	40		(35.324.790)	167.804.854
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.589.404.544	26.376.265.942
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	1.452.115.339	3.099.230.956
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.137.289.205	23.277.034.986
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6		

Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập biểuLê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.589.404.544	26.376.265.942
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, 8	730.819.163	721.864.295
- Các khoản dự phòng	03	V.5	83.107.718	147.291.037
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(28.026.167)	(283.814.082)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(15.790.683.379)	(11.157.882.992)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4.011.799.150	1.790.594.288
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.596.421.029	17.594.318.488
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.249.341.901	(12.800.622.745)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		8.125.291.814	16.058.864.959
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.487.809.483)	547.836.060
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.9; VI.4	(3.511.325.383)	(1.858.094.288)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.10	(2.543.045.065)	(2.856.152.025)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.15	(2.942.040.000)	(2.493.660.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.486.834.813	14.192.490.449
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7	(38.690.909)	(491.701.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	81.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.155.300.000)	(11.590.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.778.300.000	5.363.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(12.500.000.000)	(107.417.248.076)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.790.683.379	13.886.239.810
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.125.007.530)	(100.167.891.902)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	55.719.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.14	110.764.433.835	99.103.255.093
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14	(90.929.056.003)	(61.453.535.120)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.13,16	(9.017.195.500)	(2.784.578.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.818.182.332	90.584.141.223
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		21.180.009.615	4.608.739.770
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	51.085.847.455	46.163.987.616
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(7.221.942)	313.120.069
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	72.258.635.128	51.085.847.455


Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập biểu


Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2020


Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc



02
CÔ
CỔ
P
0445
ÔNG
NHIỆM
OÀN V
&
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinafreight (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS); kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế (Vector Aviation)	39B Trường Sơn, lầu 11, tòa nhà Hải Âu, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa	90,00%	90,00%	90,00%
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt (Vietway) ⁽ⁱ⁾	Lầu 1, Block C, tòa nhà Waseco, số 10 Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa; đại lý bán vé máy bay	45,90%	45,90%	94,90%
Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	Lầu 1, Block C, tòa nhà Waseco, số 10 Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	100,00%	100,00%	100,00%

- (i) Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu của Công ty trong Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt (Vietway) là dưới 51% nhưng Công ty con của Công ty là Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế (Vector Aviation) cũng đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt (Vietway) với tỷ lệ sở hữu là 49,00%. Do vậy Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt (Vietway) bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt (Vietway) được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	184 Trần Phú, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Dịch vụ vận tải hàng hóa	27,89%	27,89%	27,89%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)	Số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải hàng hóa	24,78%	24,78%	24,78%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Tổ dân phố Bưởi, phường Dịch Vũ, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dịch vụ logistics	25,00%	25,00%	25,00%
Công ty Cổ phần Cảng Mippec	Bán đảo Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	20,00%	20,00%	20,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinafreight tại TP. Hà Nội	Tầng 7, số 25, phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinafreight tại TP. Hải Phòng	Phòng 212, tầng 2, số 441 Đà Nẵng, phường Đông Hải 1, quận Hải An, TP. Hải Phòng

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 191 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 205 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ được chuyển đổi theo tỷ giá xấp xỉ, cụ thể là tỷ giá 23.100 VND/USD cho các nghiệp vụ phát sinh trong năm. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục phi tiền tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với doanh thu/nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với chi phí/nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản văn phòng

Chi phí sửa chữa văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 - 10 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả khác cho người lao động, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	758.198.464	843.232.912
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.394.266.664	35.162.614.543
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	28.106.170.000	15.080.000.000
Cộng	72.258.635.128	51.085.847.455

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng. Trong đó, số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh trị giá là 15.000.000.000 VND (số đầu năm là 10.000.000.000 VND) đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.14).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	47.120.408.200	-		47.120.408.200	-	
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế (Vector Aviation)	40.500.000.000	-		40.500.000.000	-	
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con đường Việt (Vietway)	5.620.408.200	-		5.620.408.200	-	
Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	1.000.000.000	-		1.000.000.000	-	
Đầu tư vào công ty liên kết	247.474.748.076 (11.639.104)			235.598.748.076 (635.639.104)		
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	4.392.000.000	-		4.392.000.000	-	
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc) ⁽ⁱ⁾	43.377.248.076	-	114.017.750.000	43.377.248.076	-	82.922.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	41.945.500.000 (11.639.104)			29.445.500.000 (11.639.104)		
Công ty Cổ phần Cảng Mipéc	157.760.000.000			157.760.000.000	-	
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) ⁽ⁱⁱ⁾	-	-		624.000.000 (624.000.000)		
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.540.435.327	-		11.540.435.327	-	
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (KWE)	4.246.950.000	-		4.246.950.000	-	
Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vi Na Vinatrans (V truck)	726.150.000	-		726.150.000	-	
Công ty Liên doanh Vận tải Việt Nhật (Konoike Vina)	4.917.335.327	-		4.917.335.327	-	
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (Vinalink)	1.650.000.000	-	1.632.015.000	1.650.000.000	-	1.885.884.000
Cộng	306.135.591.603 (11.639.104)			294.259.591.603 (635.639.104)		

(i) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc) 2.961.500 cổ phiếu, tương đương 24,78% vốn điều lệ.

(ii) Công ty đã xóa sổ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) do Công ty này đã hoàn tất thủ tục giải thể theo Thông báo số 301843/19 ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

(iii) Trong năm, Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long đã hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 VND lên thành 150.000.000.000 VND, và Công ty đã góp thêm 12.500.000.000 VND để duy trì tỷ lệ góp vốn của Công ty vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long là 25,00% vốn điều lệ (tỷ lệ góp vốn đầu năm là 25,00% vốn điều lệ).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cảng Mipec hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long vừa mới đi vào hoạt động từ cuối năm 2018. Các công ty con và công ty liên kết khác vẫn đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	635.639.104	624.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	-	11.639.104
Xóa sổ khoản đầu tư do giải thể	(624.000.000)	-
Số cuối năm	11.639.104	635.639.104

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế (Vector Aviation)		
Cung cấp dịch vụ cho Vector Aviation	102.475.257	85.137.761
Nhận cung cấp dịch vụ từ Vector Aviation	1.723.032.505	11.624.558.914
Nhận lợi nhuận được chia từ Vector Aviation	7.200.000.000	2.700.000.000
Mượn tiền từ Vector Aviation	-	2.996.000.000
Chi phí tiền lãi trả nợ quá hạn	527.383.870	58.153.290
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt (Vietway)		
Cung cấp dịch vụ cho Vietway	74.026.173	66.556.245
Mua công cụ, dụng cụ từ Vietway	6.000.000	-
Nhận lợi nhuận được chia từ Vietway	-	1.836.000.000
Vay ngắn hạn từ Vietway	-	20.000.000.000
Lãi vay phải trả Vietway	1.200.000.001	902.650.684
Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ cho SFS	310.833.758	1.424.371.819
Nhận cung cấp dịch vụ từ SFS	79.963.152	80.712.420
Nhận lợi nhuận được chia từ SFS	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)		
Thu phí dịch vụ chứng từ	-	5.142.250
Thu phí cước vận tải quốc tế	63.673.096	94.225.698
Phí giao nhận, xếp dỡ phải trả	30.497.113	180.742.964

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chia cổ tức	49.500.000	16.500.000
Nhận cổ tức được chia	439.200.000	439.200.000

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)

Thu phí dịch vụ	240.092.397	415.453.028
Phí dịch vụ vận tải phải trả	5.755.063.951	5.217.050.886
Chia cổ tức	262.500.000	87.500.000
Nhận cổ tức được chia	3.553.800.000	2.970.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	127.626.969	1.398.512.411
Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	112.018.936	150.559.558
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	-	1.237.980.319
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	-	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	15.608.033	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)	-	9.972.534
Phải thu các khách hàng khác	58.615.367.682	60.040.641.469
Công ty TNHH Henkel Adhesive Technologies Việt Nam	13.516.270.140	7.429.500.312
Công ty TNHH Signify Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH Điện tử Philips Việt Nam)	2.946.641.616	5.623.536.956
Công ty TNHH Philips Việt Nam	4.975.967.060	3.975.336.979
Công ty TNHH Nuplex Resins Việt Nam	3.331.749.128	3.321.107.595
Công ty TNHH Damco Việt Nam	3.003.083.037	1.755.089.216
Các khách hàng khác	30.841.656.701	37.936.070.411
Cộng	58.742.994.651	61.439.153.880

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng cho nhân viên Pan Continental Shipping Co., Ltd. – phải thu các khoản tiền chi hộ	2.921.409.121	-	3.316.700.426	-
Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không	2.709.358.087	-	5.902.038.880	-
Ký quỹ ngắn hạn khác	6.531.300.000	-	5.767.170.000	-
	343.218.476	-	48.400.000	-
Cộng	12.505.285.684	-	15.034.309.306	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không	-	-	844.000.000	-
Ký quỹ dài hạn khác	708.786.000	-	294.818.476	-
Cộng	708.786.000	-	1.138.818.476	-

5. Nợ xấu

	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bên liên quan	-	-		1.237.980.319	-
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) – tiền cung cấp dịch vụ	-	-	Trên 3 năm	1.237.980.319	-
Các tổ chức và cá nhân khác	4.417.551.978	3.892.817.088		3.494.872.402	3.053.245.230
Dưới 6 tháng	2.861.439.813	2.861.439.812	Dưới 6 tháng	2.493.701.602	2.493.701.602
Từ 6 tháng đến 1 năm	1.377.993.364	964.595.355	Từ 6 tháng đến 1 năm	499.327.503	349.529.252
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	129.963.841	64.981.921	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	377.274.724	188.637.362
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	6.000.000	1.800.000	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	71.256.713	21.377.014
Trên 3 năm	42.154.960	-	Trên 3 năm	53.311.860	-
Cộng	4.417.551.978	3.892.817.088		4.732.852.721	3.053.245.230

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.679.607.491	5.906.494.266
Trích lập dự phòng bổ sung	83.107.718	135.651.933
Xử lý xóa sổ trong năm	(1.237.980.319)	(4.362.538.708)
Số cuối năm	524.734.890	1.679.607.491

6. Chi phí trả trước**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	95.612.900	47.884.152
Chi phí thuê văn phòng, nhà kho	24.545.456	24.726.543
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	155.827.018	38.098.499
Cộng	275.985.374	110.709.194

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	311.435.142	190.385.649
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.255.673.537	121.289.066
Chi phí trả trước dài hạn khác	68.112.347	1.013.008
Cộng	1.635.221.026	312.687.723

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.632.973.150	6.499.799.187	1.002.668.000	10.135.440.337
Mua trong năm	-	-	38.690.909	38.690.909
Số cuối năm	2.632.973.150	6.499.799.187	1.041.358.909	10.174.131.246
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.632.973.150	3.342.767.405	698.528.000	6.674.268.555
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	2.632.973.150	4.072.186.679	827.563.004	7.532.722.833
Khấu hao trong năm	-	493.361.646	84.016.373	577.378.019
Số cuối năm	2.632.973.150	4.565.548.325	911.579.377	8.110.100.852
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	2.427.612.508	175.104.996	2.602.717.504
Số cuối năm	-	1.934.250.862	129.779.532	2.064.030.394
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

8. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm
Nguyên giá	
Số đầu năm	1.814.011.679
Số cuối năm	1.814.011.679
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	279.600.220
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.383.482.461
Khấu hao trong năm	153.441.144
Số cuối năm	1.536.923.605
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	430.529.218
Số cuối năm	277.088.074
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	11.115.022.824	10.353.194.194
Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	5.256.477	-
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế (Vector Aviation) – tiền dịch vụ phải trả	9.462.749.300	9.552.852.115
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế (Vector Aviation) – tiền lãi chậm trả	281.318.287	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con đường Việt (Vietway) – tiền dịch vụ phải trả	-	286.484.931
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con đường Việt (Vietway) – tiền lãi vay phải trả	219.155.480	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	-	38.778.765
Công ty Cổ phần Transimex	1.146.543.280	60.477.724
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)	-	414.600.659
Phải trả các nhà cung cấp khác	13.323.896.907	14.072.465.951
Các nhà cung cấp khác	13.323.896.907	14.072.465.951
Cộng	24.438.919.731	24.425.660.145

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	482.067.282	5.281.732.426	(5.403.040.208)	360.759.500
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.899.230.956	1.452.115.339	(2.543.045.065)	808.301.230
Thuế thu nhập cá nhân	267.251.299	2.614.390.245	(2.565.207.362)	316.434.182
Tiền thuế đất	-	4.225.851.390	(4.225.851.390)	-
Các loại thuế khác	4.004.139.475	14.076.648.701	(14.748.118.979)	3.332.669.197
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	131.593.798	(131.593.798)	-
Cộng	6.652.689.012	27.782.331.899	(29.616.856.802)	4.818.164.109

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu dịch vụ làm hàng phát sinh tại nước ngoài	Không chịu thuế
- Doanh thu cước quốc tế, vé máy bay quốc tế	0%
- Doanh thu bán nước sinh hoạt	5%
- Doanh thu dịch vụ tiêu thụ nội địa	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.589.404.544	26.376.265.942
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.193.331.197	2.478.628.530
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.453.505.890)	(2.802.979.621)
Thu nhập chịu thuế	21.329.229.851	26.051.914.851
Thu nhập được miễn thuế	(14.287.723.700)	(10.555.760.070)
Thu nhập tính thuế	7.041.506.151	15.496.154.781
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.408.301.230	3.099.230.956
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	43.814.109	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.452.115.339	3.099.230.956

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 17.460,4 m² đất đang sử dụng làm nhà kho tại Quận 4 và Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với mức giá thuê theo Thông báo hàng năm của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 13 tạm trích và tiền thưởng còn phải trả cho người lao động.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí làm hàng phải trả	1.161.358.007	2.542.366.556
Tiền thưởng năng suất phải trả	480.000.000	710.653.698
Các khoản chi phí phải trả ngắn hạn khác	125.963.714	90.000.000
Cộng	1.767.321.721	3.343.020.254

13. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế	116.815.521	146.769.292
Cổ tức phải trả	327.784.000	312.661.500
Nhận ký quỹ ngắn hạn của Công ty TNHH Henkel Adhesive Technologies Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn của Công ty TNHH Điện tử Philips Việt Nam	300.000.000	300.000.000
Pan Continental Shipping Co., Ltd. – Phải trả các khoản tiền thu hộ	48.551.479.857	39.229.663.429
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	631.925.629	1.090.923.103
Cộng	51.928.005.007	43.080.017.324

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**14. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn bên liên quan</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con đường Việt (Vietway) ⁽ⁱ⁾	20.000.000.000	20.000.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>49.485.097.805</i>	<i>29.649.719.973</i>
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	49.485.097.805	29.649.719.973
Cộng	69.485.097.805	49.649.719.973

(i) Khoản vay Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con đường Việt (Vietway) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 6%/năm, thời hạn vay là 3 tháng kể từ ngày nhận nợ vay. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay tối đa của mỗi khoản vay là 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố sổ dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của Công ty tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.2a) và được bảo lãnh bằng một số tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Transimex (xem thuyết minh số VII.1b).

Công ty có khả năng trả được khoản vay ngắn hạn này.

Chi tiết phát sinh của khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn bên liên quan	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	29.649.719.973	110.764.433.835	(90.929.056.003)	49.485.097.805
Cộng	49.649.719.973	110.764.433.835	(90.929.056.003)	69.485.097.805

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	4.729.346.722	1.919.000.000	(1.500.000.000)	5.148.346.722
Quỹ phúc lợi	3.405.983.711	861.000.000	(600.040.000)	3.666.943.711
Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ khen thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	831.867.126	972.000.000	(842.000.000)	961.867.126
Cộng	8.967.197.559	3.752.000.000	(2.942.040.000)	9.777.157.559

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phổ Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Transimex	44.793.950.000	44.748.950.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	9.120.000.000	9.120.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Bất động sản Conasi	11.002.500.000	7.335.000.000
Các cổ đông khác	18.851.050.000	22.563.550.000
Cổ phiếu quỹ	155.000.000	155.000.000
Cộng	83.922.500.000	83.922.500.000

16c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.392.250	8.392.250
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.392.250	8.392.250
- Cổ phiếu phổ thông	8.392.250	8.392.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	15.500	15.500
- Cổ phiếu phổ thông	15.500	15.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.376.750	8.376.750
- Cổ phiếu phổ thông	8.376.750	8.376.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức bằng tiền mặt (10% mệnh giá)	: 8.376.750.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.000.000.000
• Trích quỹ phúc lợi	: 1.313.000.000
- Trích lập tại Công ty	: 861.000.000
- Trích lập tại các Công ty con	: 452.000.000
• Trích quỹ khen thưởng cán bộ công nhân viên	: 2.624.000.000
- Trích lập tại Công ty	: 1.919.000.000
- Trích lập tại các Công ty con	: 705.000.000
• Trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	: 972.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

17a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	4.150.170.164	2.370.228.149
Trên 1 năm đến 5 năm	9.450.469.600	1.323.709.462
Cộng	13.600.639.764	3.693.937.611

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê đất và tiền thuê văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh và TP. Hà Nội.

17b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 834.226,93 USD (số đầu năm là 1.162.835,72 USD).

17c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Duy Huynh	2.545.842.574	2.545.842.574	Công nợ quá hạn không thể thu hồi
Anh Vy	732.767.395	732.767.395	Công nợ quá hạn không thể thu hồi
Hadaf Marine Shipping Co	469.128.141	469.128.141	Công nợ quá hạn không thể thu hồi
Công ty TNHH Chuyên phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	1.237.980.319	-	Công ty này đã giải thể
Các khách hàng khác	614.800.598	614.800.598	Công nợ quá hạn không thể thu hồi
Cộng	5.600.519.027	4.362.538.708	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cước vận tải quốc tế	95.447.159.170	149.137.918.625
Doanh thu dịch vụ giao nhận hàng hóa	164.155.877.867	151.446.739.301
Cộng	259.603.037.037	300.584.657.926

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Transimex		
Thu phí cước vận tải quốc tế	104.778.225	184.155.610
Thu phí dịch vụ	7.097.434	186.240.459
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam		
Thu phí dịch vụ	2.413.261	78.978.524
Thu phí cước vận tải quốc tế	31.840.525	26.169.944

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phố Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	685.931.185	677.095.464
Chi phí nhân công	29.333.503.847	27.798.153.383
Chi phí khấu hao tài sản cố định	477.100.938	466.873.939
Cước vận tải quốc tế, nội địa	83.662.877.211	121.640.912.114
Chi phí làm hàng	104.884.527.666	95.624.083.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	4.540.640.153	9.396.098.902
Các chi phí khác	12.535.347.327	14.719.090.497
Cộng	236.119.928.327	270.322.308.071

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.530.985.846	520.304.740
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.287.723.700	10.555.760.070
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.031.183.389	2.341.661.120
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	28.026.167	283.814.081
Cộng	17.877.919.102	13.701.540.011

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4.011.799.150	1.790.594.288
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.645.754.808	1.997.709.850
Dự phòng tổn thất khoản đầu tư tài chính	-	11.639.104
Cộng	5.657.553.958	3.799.943.242

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.421.253.833	5.895.681.686
Chi phí đồ dùng văn phòng	70.623.524	63.213.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định	253.718.225	254.990.356
Dự phòng phải thu khó đòi	83.107.718	135.651.933
Chi phí thuê văn phòng	2.307.400.672	2.134.412.724
Dịch vụ mua ngoài (điện, điện thoại, internet ...)	716.288.433	1.038.345.656
Các chi phí khác	4.226.352.115	4.433.190.003
Cộng	14.078.744.520	13.955.485.536

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	81.818.182
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	85.526.988
Thu nhập khác	7.727.273	459.684
Cộng	7.727.273	167.804.854

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	756.554.709	740.308.642
Chi phí nhân công	35.754.757.680	33.693.835.069
Chi phí khấu hao tài sản cố định	730.819.163	721.864.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	196.111.734.135	229.833.853.168
Chi phí khác	16.844.807.160	19.287.932.433
Cộng	250.198.672.847	284.277.793.607

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.315.000.000	1.274.400.000
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	800.000.000	1.200.000.000
Cộng	2.115.000.000	2.474.400.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Transimex	Cổ đông nắm giữ 53,38% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 10,87% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Bất động sản Conasi	Cổ đông nắm giữ 13,11% vốn điều lệ
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế (Vector Aviation)	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt (Vietway)	Công ty con
Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Mipex	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Công ty con của Công ty Cổ phần Transimex
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty con của Công ty Cổ phần Transimex
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	Công ty con của Công ty Cổ phần Transimex
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	Công ty con của Công ty Cổ phần Transimex

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Transimex		
Chi cước vận tải quốc tế và phí dịch vụ	1.018.618.758	1.838.755.351
Chia cổ tức	4.475.695.000	1.443.160.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam		
Phí bốc xếp, nâng dỡ, chứng từ	137.067.121	180.742.964
Phí thuê văn phòng	1.711.282.673	2.134.412.724
Phí điện, nước của văn phòng thuê	221.978.535	605.735.701
Chia cổ tức	912.000.000	304.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Bất động sản Conasi		
Chia cổ tức	1.100.250.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex		
Cước vận chuyển, giao nhận	3.154.995.456	-
Phí nâng hạ dỡ	111.631.823	-
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics		
Phí nâng hạ, lưu kho, phí cấp cont và vệ sinh cont	701.566.939	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty Cổ phần Transimex đã dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 50.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.14).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.9 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và phải thu khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ký quỹ hoặc ứng trước phí dịch vụ đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phải thu khác

Các khoản phải thu khác của Công ty chủ yếu là các khoản ký quỹ để bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không tại các ngân hàng trong nước và lợi nhuận phải thu từ công ty liên kết. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản ký quỹ và lợi nhuận phải thu này.

Đối với các khoản thu chi hộ cho khách hàng là hãng tàu mà Công ty làm đại lý, Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách kiểm soát thường xuyên các khoản thu hộ và chi hộ, đảm bảo các khoản thu hộ luôn cao hơn các khoản chi hộ tại bất kỳ thời điểm nào trong năm.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.258.635.128	-	-	72.258.635.128
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	16.419.000.000	-	-	16.419.000.000
Phải thu khách hàng	54.325.442.673	2.861.439.812	1.556.112.166	58.742.994.651
Các khoản phải thu khác	10.292.662.563	-	-	10.292.662.563
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.540.435.327	-	-	11.540.435.327
Cộng	164.836.175.691	2.861.439.812	1.556.112.166	169.253.727.669
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.085.847.455	-	-	51.085.847.455
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.042.000.000	-	-	11.042.000.000
Phải thu khách hàng	56.706.301.159	2.493.701.602	2.239.151.119	61.439.153.880
Các khoản phải thu khác	11.717.608.880	-	-	11.717.608.880
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.540.435.327	-	-	11.540.435.327
Cộng	142.092.192.821	2.493.701.602	2.239.151.119	146.825.045.542

Thời gian quá hạn của các khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá là dưới 6 tháng.

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 1 năm trở xuống. Giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	24.438.919.731	24.425.660.145
Vay và nợ	69.485.097.805	49.649.719.973
Các khoản phải trả khác	53.098.511.207	45.565.614.588
Cộng	147.022.528.743	119.640.994.706

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty cung cấp các dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản thuần có gốc USD của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	834.226,93	1.162.835,72
Phải thu khách hàng	267.589,86	439.641,97
Các khoản phải thu khác	116.905,24	255.002,76
Phải trả người bán	(48.274,36)	(153.149,09)
Các khoản phải trả khác	(1.710.055,26)	(1.488.394,44)
Tài sản thuần có gốc USD	(539.607,59)	215.936,92

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.650.000.000 VND (số đầu năm là 1.650.000.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng	15.000.000.000	10.000.000.000
Tiền ký quỹ ngắn hạn tại Ngân hàng	6.531.300.000	5.767.170.000
Tiền ký quỹ dài hạn tại Ngân hàng	-	844.000.000
Cộng	21.531.300.000	16.611.170.000

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.258.635.128	-	51.085.847.455	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	16.419.000.000	-	11.042.000.000	-
Phải thu khách hàng	58.742.994.651	(524.734.890)	61.439.153.880	(1.679.607.491)
Các khoản phải thu khác	10.292.662.563	-	11.717.608.880	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.540.435.327	-	11.540.435.327	-
Cộng	169.253.727.669	(524.734.890)	146.825.045.542	(1.679.607.491)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	24.438.919.731	24.425.660.145
Vay và nợ	69.485.097.805	49.649.719.973
Các khoản phải trả khác	53.098.511.207	45.565.614.588
Cộng	147.022.528.743	119.640.994.706

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2020


Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập biểu


Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng


Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseso, số 10 đường Phố Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	7.518.000.000	154.779.680.064	220.545.530.064
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	27.922.500.000	27.922.500.000	-	-	-	55.845.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	23.277.034.986	23.277.034.986
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	1.000.000.000	(5.570.000.000)	(4.570.000.000)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(2.792.250.000)	(2.792.250.000)
Chi phí phát hành	-	(126.000.000)	-	-	-	(126.000.000)
Số dư cuối năm trước	83.922.500.000	30.199.350.000	(155.000.000)	8.518.000.000	169.694.465.050	292.179.315.050
Số dư đầu năm nay	83.922.500.000	30.199.350.000	(155.000.000)	8.518.000.000	169.694.465.050	292.179.315.050
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	20.137.289.205	20.137.289.205
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	1.000.000.000	(4.752.000.000)	(3.752.000.000)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(8.376.750.000)	(8.376.750.000)
Chi phí phát hành	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	83.922.500.000	30.199.350.000	(155.000.000)	9.518.000.000	176.703.004.255	300.187.854.255

Đơn vị tính: VND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2020



Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc



Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập biểu